

Số: 105/2024/QĐST-HNGĐ

P, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HUNG YÊN

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Đức H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện P, tỉnh H.

- Chị Lê Thị Kim Q, sinh năm 1993;

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện P, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Phương Q1, sinh ngày 24/9/2021;

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp của cháu Q1: Anh Trần Đức H và chị Lê Thị Kim Q là bố mẹ đẻ của cháu Q1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức H và chị Lê Thị Kim Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P ngày 06/11/2018 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị bình thường nhưng từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống và suy nghĩ của mỗi người khác nhau, từ công việc làm ăn, cũng như cuộc sống sinh hoạt hàng ngày luôn trong trạng thái bất hoà, vợ chồng không có sự bàn bạc chia sẻ, hay xảy ra cãi vã, căng thẳng và khoảng 02 tháng trở lại đây vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm và không còn trách nhiệm gì với nhau nữa.

Đến nay, cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho hai anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung*: Anh Trần Đức H và chị Lê Thị Kim Q xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Phương Q1, sinh ngày 24/9/2021. Ly hôn, anh H và chị Q thoả thuận thống nhất giao cháu Q1 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi. Anh H và chị Q thoả thuận, chị Q hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H là 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Kim Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Anh H và chị Q đều xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Anh H và chị Q thoả thuận, anh H tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thoả thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 23/12/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân* Anh Trần Đức H và chị Lê Thị Kim Q thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Trần Đức H và chị Lê Thị Kim Q xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Phương Q1, sinh ngày 24/9/2021. Ly hôn, anh H và chị Q thoả thuận thống nhất giao cháu Q1 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi. Anh H và chị Q thoả thuận, chị Q hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H là 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Kim Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu chị Q không thi hành theo thoả thuận thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Trần Đức H và chị Lê Thị Kim Q đều xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Đức H và chị Lê Thị Kim Q thỏa thuận, anh H tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0001334 ngày 16/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên. Anh H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T, GCNKH số 39/2018;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền